

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng, bồi thường nhà nước, hòa giải cơ sở, nuôi con nuôi, chứng thực, luật sư, đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, tư vấn pháp luật, quản tài viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: số 1859/QĐ-BTP ngày 24/6/2025 công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1837/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực bồi thường nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1845/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1852/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1855/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1856/QĐ-BTP ngày 23/6/ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 1853/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ

Tư pháp; số 1858/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản tài viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng, bồi thường nhà nước, hòa giải cơ sở, nuôi con nuôi, chứng thực, luật sư, đấu giá tài sản trọng tài thương mại, tư vấn pháp luật, quản tài viên thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lò Văn Cương

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC, HÒA GIẢI CƠ SỞ, NUÔI CON NUÔI, CHỨNG THỰC, LUẬT SƯ, ĐẤU GIÁ TÀI SẢN, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, TƯ VẤN PHÁP LUẬT, QUẢN TÀI VIÊN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
1	Bỏ nhiệm công chứng viên	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024 (Luật Công chứng năm 2024); - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp (sau đây viết tắt là Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025); - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày	X	Toàn trình	X

		Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.			15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025)			
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, trong đó nêu rõ quá trình hành nghề của công chứng viên và đề xuất của Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, làm rõ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin trong hồ sơ. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin. Việc xác minh tính hợp pháp của hồ sơ thực hiện không quá 20 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X
---	---	---	--	-------	--	---	------------	---

4	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
5	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng (sau đây viết tắt là Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025)	X	Toàn trình	X
6	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	- Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X

		giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.						
7	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được nhận tập sự tại tổ chức hành nghề công chứng mới, người tập sự nộp Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng đến Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người tập sự, tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự và tổ chức hành nghề công chứng mà người tập sự xin chuyển đến về việc thay đổi nơi tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị. - Trường hợp người tập sự không tự liên hệ được nơi tập sự mới và đề nghị Sở Tư pháp bố trí nơi tập sự mới thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự, Sở Tư pháp xem xét, chỉ định tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người đề nghị.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X

8	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	* Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự đã đăng ký tập sự ra quyết định xoá đăng ký tập sự là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị của người tập sự. * Thời hạn để Sở Tư pháp nơi người tập sự chuyển đến thực hiện việc đăng ký tập sự: - Trường hợp người đăng ký tập sự tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự thì thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đăng ký tập sự được Sở Tư pháp bố trí tập sự và đăng ký tập sự hành nghề công chứng thì thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X
9	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X
10	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng	Trung tâm phục vụ hành chính	Không	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X

			công tỉnh Điện Biên					
11	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Thông tư số 06/2025/TT- BTP ngày 15/5/2025	X	Toàn trình	X
12	Cấp Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định và cấp thẻ cho công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng (sau đây viết tắt là Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025) - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí	X	Toàn trình	X

					công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi - Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
13	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định cấp lại thẻ cho công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH1 - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công	X	Toàn trình	X

					chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
14	Thu hồi Thẻ công chứng viên	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định miễn nhiệm công chứng viên, Sở Tư pháp nơi cấp thẻ công chứng viên ra quyết định thu hồi thẻ công chứng viên. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Phòng công chứng về việc công chứng viên không còn hành nghề tại Phòng công chứng hoặc kể từ ngày quyết định chuyển đổi, giải thể Phòng công chứng có hiệu lực, Sở Tư pháp nơi Phòng công chứng đặt trụ sở ra quyết định thu hồi thẻ công chứng viên - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng có hiệu lực (áp dụng với trường hợp Văn phòng công chứng chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật Công chứng), Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ của công chứng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

		viên hành nghề tại Văn phòng công chứng đó						
15	Thành lập Văn phòng công chứng	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (thời hạn để Sở Tư pháp trình hồ sơ lên Ủy ban nhân dân tỉnh nêu hồ sơ đủ điều kiện); - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ hợp lệ (thời hạn để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng).	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
16	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025;	X	Toàn trình	X

					- Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.			
18	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
19	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng hợp nhất, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng bị hợp nhất, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

		của Văn phòng công chứng hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do						
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại hoặc ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng bị sáp nhập, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên mới của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	500.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
23	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp	Trung tâm phục	Không	- Luật Công chứng năm 2024;	X	Toàn trình	X

	góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	vụ hành chính công tỉnh Điện Biên		- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.			
24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
25	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép chuyển đổi Văn phòng công	Trung tâm phục vụ hành chính	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

	phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp và hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	công tỉnh Điện Biên					
26	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép bán Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X
27	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng, thu hồi giấy đăng ký hoạt động cũ của Văn phòng công chứng, đồng thời cấp thẻ công chứng viên cho công chứng viên mua Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

		phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.						
28	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản thông báo cho Văn phòng công chứng về việc Văn phòng công chứng đã hoàn thành nghĩa vụ xây dựng Điều lệ; trường hợp Điều lệ của Văn phòng công chứng chưa có đủ các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này thì Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu Văn phòng công chứng sửa đổi, bổ sung Điều lệ và gửi về Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tư pháp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	- Luật Công chứng năm 2024; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.	X	Toàn trình	X

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCC

I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2018/NĐ-CP) Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2025/TT-BTP)	X	Một phần	X
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày	X	Một phần	X

		chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.	hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở tỉnh		17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước (sau đây viết tắt Thông tư số 04/2018/TT-BTP); - Thông tư số 08/2025/TT-BTP			
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. - Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.						
3	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở tỉnh	Không	- Luật TNBTCNN năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP. - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP.</i>	X	Một phần	X

II. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Thời gian <i>cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng</i> có ý kiến để <i>cơ sở nuôi dưỡng</i> gửi Sở Tư pháp đề thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan Công an tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	- Mức thu lệ phí và chi phí: +) Lệ phí : 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài. +) Chi phí: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/trường hợp	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2025/NĐ-CP) ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2025/TT-BTP) ; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28	X	Một phần	X
---	--	---	--	--	--	---	----------	---

		của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em). - Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90		Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí. - Thời điểm nộp lệ phí và chi phí: +) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất	<i>tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP pháp (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2025/TT-BTP)</i>			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản không đồng ý. - Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho <i>Cục Hành chính tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý. - Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.		là 01 năm nộp sau khi <i>Cục Hành chính tư pháp</i> tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi. +) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em.				
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	- Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. - Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. - Mức thu chi phí: Không quy định. - Thời điểm nộp lệ phí: Nộp	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP - Thông tư số 10/2025/TT-	x		x

				sau khi <i>Cục hành chính tư pháp</i> tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.				
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	<i>Thông tư số 10/2025/TT-BTP</i>	X	Toàn trình	X
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	4.500.000 đồng/trường hợp.	- <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP;</i> - <i>Thông tư số 10/2025/TT-BTP</i>	X	Một phần	X
5	<i>Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ</i>	<i>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành</i>	Không	- <i>Nghị định số 120/2025/NĐ-CP</i>	X	Toàn trình	X

	<i>điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi</i>	<i>hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.</i>	<i>chính công tỉnh Điện Biên</i>		- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp (Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025); - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.			
III. LĨNH VỰC LUẬT SƯ								
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</i> <i>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.	X	Toàn trình	X

		<i>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</i> <i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>						
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</i> <i>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

		<i>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</i> <i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>						
3	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 mục này, Sở Tư pháp thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi.</i> <i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, trừ trường hợp Quyết định kỷ luật luật sư bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn Luật sư bị khiếu nại và</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025	X	Toàn trình	X

		<i>đang được giải quyết theo quy định của pháp luật.</i>						
4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</i> <i>Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư.</i> <i>Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.</i> <i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

		<i>tỉnh quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>						
5	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư, Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư. - Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Thời gian phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Sở	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	- Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. - Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

		<i>Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>						
6	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</i> <i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.	X	Toàn trình	X
7	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, người bị từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	50.000 đồng/hồ sơ	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	50.000 đồng/hồ sơ	Điều chỉnh kỹ thuật để phù hợp với pháp luật hiện hành	X	Toàn trình	X

9	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	50.000 đồng/hồ sơ	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
10	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	50.000 đồng/hồ sơ	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
11	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	50.000 đồng/hồ sơ	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
12	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X

13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	2.000.000 đồng/hồ sơ	Điều chỉnh kỹ thuật để phù hợp với pháp luật hiện hành	X	Toàn trình	X
14	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	1.000.000 đồng/hồ sơ	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
15	Hợp nhất công ty luật	<i>Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- <i>Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
16	Sáp nhập công ty luật	<i>Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- <i>Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ;</i> - <i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
17	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- <i>Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ;</i>	X	Toàn trình	X

	phòng luật sư thành công ty luật				- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025			
18	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyên đổi.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	50.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong	X	Toàn trình	X

					<i>lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</i>			
19	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	600.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí	X	<i>Toàn trình</i>	X

					trong lĩnh vực hoạt động luật sư; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.			
20	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số	X	Toàn trình	X

					20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

IV. LĨNH VỰC ĐẦU GIÁ TÀI SẢN								
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề đầu giá	<i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	800.000 đồng.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đầu giá	<i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	500.000 đồng.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 .	X	Toàn trình	X
V. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI								
1	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	<i>20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	3.000.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
2	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	<i>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	1.000.000 đồng .	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

3	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trung tâm trọng tài	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
4	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	10.000.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
5	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	<i>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi.</i>	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
6	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

	ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài							
7	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 .	X	Toàn trình	X
8	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	1.500.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 .	X	Toàn trình	X

9	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	a) Trường hợp đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài: trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	1.000.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X
10	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	- 1.000.000 đồng đổi với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; - 3.000.000 đồng đổi với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

				tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.				
11	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	500.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025	X	Toàn trình	X
12	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	5.000.000 đồng	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 ; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác							
13	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không.	- Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025.	X	Toàn trình	X

VI. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

1.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không.	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
2.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
3.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ	X	Toàn trình	X

					Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

4.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	<i>Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025</i>	X	Toàn trình	X
5.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.	X	Toàn trình	X
6.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không	Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.	X	Toàn trình	X

VII. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN								
1	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	-Phí: 800.000 đồng/hồ sơ. -Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.	- <i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
2	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ. Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm phục vụ hành</i>	Phí: 800.000	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X

			<i>chính công tỉnh Điện Biên</i>	đồng/hồ sơ. Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ.				
4	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	500.000 đồng/hồ sơ.	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	500.000 đồng/hồ sơ	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
6	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không quy định	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X
7	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật,	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên	Không quy định	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025</i>	X	Toàn trình	X

	danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản							
8	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên</i>	Không quy định	<i>Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 .</i>	X	Toàn trình	X

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC								
1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật	Không	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025	X	Toàn trình	X

		bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41	TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã.						
--	--	--	-----------------------------------	--	--	--	--	--	--

		của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật TNBTCNN năm 2017. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường. - Trong thời hạn 02 ngày làm						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. - Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017.						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.						
II. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ								
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	Không quy định	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; - Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	X	Toàn trình	X

					trong lĩnh vực tư pháp.			
III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI								
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi;	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025.	X	Một phần	X

		- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.		nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.				
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ..	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	Không	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025.	X	Toàn trình	X

3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Trong thời hạn 45 ngày, trong đó: - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến; - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã; - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.	- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025	X	Một phần	X
---	---	--	---	---	--	---	----------	---

IV. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

IV.1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CÁC CẤP

1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày)	- <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;</i> - <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây	x	Toàn trình	x
---	-----------------------	--	--	-------	--	---	------------	---

		trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			viết tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP) . - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (sau đây viết tắt là Nghị định số 07/2025/NĐ-CP)			
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày	- <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i> - <i>Tổ chức hành nghề công chứng,</i>	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số	x	Toàn trình	

	hoặc chứng nhận.	làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		của bản chính.	23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây viết tắt Thông tư số 01/2020/TT-BTP); - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực (sau đây viết tắt Thông tư số 226/2016/TT-BTC); - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày			
--	------------------	---	--	----------------	---	--	--	--

					14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (sau đây viết tắt Thông tư số 264/2016/TT-BTC); - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng;			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên (sau đây viết tắt Thông tư số 257/2016/TT-BTC).			
3	Chúng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được).	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;</i> - <i>Tổ chức hành nghề công chứng.</i>	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC.	x	Toàn trình	

IV.2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015	X	Một phần	
----	---	--	---	----------------------------------	---	---	----------	--

					của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.			
2.	Chứng thực di chúc	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	50.000 đồng/di chúc.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	

3.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	
4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	50.000 đồng/văn bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015;	X	Một phần	

					- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.			
6	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 120/2025/NĐ- ngày 11/6/2025; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	

7	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 120/2025/NĐ- ngày 11/6/2025; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	
8	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí	- Nghị định số 120/2025/NĐ- ngày 11/6/2025; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020;	X	Một phần	

				được tính theo trang của bản chính.	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.			
9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</i>	10.000 đồng/trường hợp.	- Nghị định số 120/2025/NĐ- ngày 11/6/2025; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	X	Một phần	
10	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	<i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</i>	10.000 đồng/trường hợp.	- Nghị định số 120/2025/NĐ- ngày 11/6/2025; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025;	X	Một phần	

					- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung./.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG			
1	1.001071.000.00.00.H18	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
2	1.001446.000.00.00.H18	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
3	1.001125.000.00.00.H18	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng

4	1.001153.000.00.00.H18	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
5	1.001438.000.00.00.H18	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
6	1.001721.000.00.00.H18	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng
7	1.001756.000.00.00.H18	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
8	1.001799.000.00.00.H18	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
9	2.002387.000.00.00.H18	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
10	1.001877.000.00.00.H18	Thành lập Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
11	2.000789.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
12	2.000778.000.00.00.H18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng

13	1.001688.000.00.00.H18	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
14	2.000766.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
15	1.001665.000.00.00.H18	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
16	2.000758.000.00.00.H18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
17	1.001647.000.00.00.H18	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
18	2.000743.000.00.00.H18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
19	1.003118.000.00.00.H18	Thành lập Hội công chứng viên	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng
20	1.012019.000.00.00.H18	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp quy định về tập sự hành nghề công chứng

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC			
1	2.002190.000.00.00.H18	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước - Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về Tổ chức chính quyền địa phương - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025
2	1.005462.000.00.00.H18	Thủ tục phục hồi danh dự	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước - Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về Tổ chức chính quyền địa phương - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC			
1	2.001035.000.00.00.H18	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025

2	2.001406.000.00.00.H18	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025
3	2.001009.000.00.00.H18	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025

